

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

# CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

## MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 03
Báo cáo soát xét	04 - 05
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 32

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

---

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH ("Công ty") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

**1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại chức trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông	VƯƠNG CÔNG MINH	: Chủ tịch hội đồng quản trị
Bà	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	: Phó Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông	ĐỖ HÙNG KIẾT	: Thành viên
Ông	ĐÀO VĂN HÙNG	: Thành viên
Ông	LƯU VĂN SƠN	: Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà	LÊ THỊ YẾN TUYẾT	: Trưởng Ban kiểm soát
Ông	VŨ HOÀNG TUẤN	: Thành viên
Ông	TẠ PHƯỚC ĐẠT	: Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông	ĐỖ HÙNG KIẾT	: Tổng Giám đốc
Ông	ĐÀO VĂN HÙNG	: Phó Tổng Giám đốc
Ông	PHAN VĂN QUANG	: Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Ông	PHẠM HOÀNG NAM	: Kế toán trưởng
-----	----------------	------------------

**2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Trụ sở hoạt động của Công ty : 186-188 Lê Thánh Tôn – Q1- Tp HCM

Hình thức hoạt động: Công ty Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh- điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu ngừ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công - nông - ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Mua bán, chế biến nông - lâm - thủy - hải sản; sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế phẩm từ sữa các loại

Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, Dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuế hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án, dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng-khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

### **3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

• Tổng thu nhập:	133.769.016.554 VNĐ
• Tổng chi phí:	113.387.519.151 VNĐ
• Lãi trong công ty liên kết:	176.029.808 VNĐ
• Lãi trước thuế:	20.557.497.211 VNĐ
• Lãi sau thuế :	15.511.363.539 VNĐ
• Lãi sau thuế của cổ đông thiểu số :	243.248.293 VNĐ
• Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ :	15.268.115.246 VNĐ

### **4. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁC**

### **5. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH.

### **6. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm 30/06/2010.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày 30/06/2010 đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ ngày 30/06/2010 để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau ngày 30/06/2010.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

## **7. TUYÊN BỐ**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

  
**ĐỖ HÙNG KIẾT**

**Tổng Giám Đốc**

Tp HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2010





Số: 0610300-SX-HN/AISC-DN2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010  
CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

1. Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH. Các báo cáo được soát xét gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2010; Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được lập ngày 20 tháng 07 năm 2010 từ trang 06 đến trang 32.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị được soát xét. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

**2. Phạm vi công việc soát xét :**

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**3. Ý kiến của kiểm toán viên :**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH kèm theo báo cáo soát xét này không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

*Dù rằng ý kiến dưới đây không làm thay đổi ý kiến của chúng tôi đã nêu ở trên, chúng tôi xin lưu ý rằng:*

Báo cáo tài chính hợp nhất của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán được lập tuân thủ theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2010, báo cáo tài chính phải được lập tuân thủ theo thông tư 244/2009/TT- BTC ngày 31/12/2009 và quyết định 15 của Bộ Tài Chính. Vì vậy để phù hợp với thông tư 244 thì số dư đầu năm ngày 01/01/2010 của một số tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã có sự thay đổi vị trí so với số dư cuối năm ngày 31/12/2009 (xem thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số VIII.5).

**Kiểm toán viên**



**Phạm Thị Thanh Mai**

Chứng chỉ KTV số: 1044/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2010*



**Tổng Giám đốc**

**Phạm Văn Vinh**

Chứng chỉ KTV số: Đ112/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>131.998.094.300</b>	<b>136.412.146.673</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>56.829.487.130</b>	<b>45.587.874.528</b>
1. Tiền	111		8.565.066.741	5.591.687.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.264.420.389	39.996.187.485
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>344.184.000</b>	<b>387.207.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		838.570.000	838.570.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(494.386.000)	(451.363.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.567.737.100</b>	<b>45.895.802.927</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.239.492.262	1.320.404.091
2. Trả trước cho người bán	132		3.968.979.872	7.298.133.870
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.3</b>	18.128.849.058	38.046.849.058
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(769.584.092)	(769.584.092)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>50.891.034.858</b>	<b>44.155.724.754</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.4</b>	50.891.034.858	44.155.724.754
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>365.651.212</b>	<b>385.537.464</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		80.324.817	104.643.761
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	89.329.008
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		326.395	1.564.695
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		285.000.000	190.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>212.195.444.093</b>	<b>201.578.922.602</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>157.080.300.139</b>	<b>146.863.957.620</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	72.142.272.299	59.747.609.585
- Nguyên giá	222		90.256.193.760	74.708.105.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.113.921.461)	(14.960.495.587)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	84.938.027.840	87.116.348.035
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>49.737.833.991</b>	<b>48.844.347.136</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13b	4.906.028.491	2.839.998.683
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13c	52.002.195.890	53.746.558.390
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13d	(7.170.390.390)	(7.742.209.937)
<b>V Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>2.121.428.963</b>	<b>2.246.218.902</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>3.255.881.000</b>	<b>3.624.398.944</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	2.931.381.000	3.299.898.944
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		324.500.000	324.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>344.193.538.393</b>	<b>337.991.069.275</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>90.814.768.750</b>	<b>85.033.938.344</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.778.285.423</b>	<b>38.721.580.467</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	3.489.342.572	8.249.036.423
2. Phải trả cho người bán	312		22.483.068.100	18.905.551.121
3. Người mua trả tiền trước	313		2.599.197.620	2.425.772.650
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.907.599.146	4.504.158.341
5. Phải trả người lao động	315		6.837.480.948	2.745.698.933
6. Chi phí phải trả	316	V.17	60.000.000	100.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	503.118.765	998.612.580
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.898.478.272	792.750.419
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.036.483.327</b>	<b>46.312.357.877</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.072.507.806	29.169.472.706
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	15.945.808.406	15.945.808.406
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		736.535.297	907.908.656
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		281.631.818	289.168.109
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>252.227.251.202</b>	<b>251.709.997.317</b>
<b>I. Vốn Chủ Sở Hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>252.227.251.202</b>	<b>251.709.997.317</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.419.120.000	127.419.120.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.436.102)	1.453.607
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.156.926.111	9.156.926.111
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.476.647.318	3.168.247.165
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.175.993.875	23.964.250.434

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)


Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		1.151.518.441	1.247.133.614
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		344.193.538.393	337.991.069.275

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		51.783.000	76.045.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		10.316,03	1.530,13
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



PHẠM HOÀNG NAM

TP HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2010



Tổng Giám đốc

ĐỖ HÙNG KIẾT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	128.591.132.175	103.582.353.925
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.27	128.591.132.175	103.582.353.925
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.28	89.326.909.858	73.649.429.242
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		39.264.222.317	29.932.924.683
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.946.612.893	5.756.272.340
7 Chi phí tài chính	22	VI.30	1.078.289.556	2.357.789.037
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.569.097.103	1.373.627.618
8 Chi phí bán hàng	24		14.426.746.572	12.756.225.709
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.554.903.165	6.844.761.032
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.150.895.917	13.730.421.245
11 Thu nhập khác	31		231.271.486	124.010.851
12 Chi phí khác	32		700.000	-
13 Lợi nhuận khác	40		230.571.486	124.010.851
14 Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		176.029.808	196.920.589
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.557.497.211	14.051.352.685
16a Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	5.046.133.672	3.208.368.005
16b Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.511.363.539	10.842.984.680
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		243.248.293	216.738.903
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty	62		15.268.115.246	10.626.245.777
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.735	1.208

Kế toán trưởng



PHẠM HOÀNG NAM

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010



Tổng Giám đốc

ĐỖ HÙNG KIẾT



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		20.557.497.211	14.051.352.685
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		3.153.425.874	2.268.300.019
Các khoản dự phòng	3		(528.796.547)	(5.892.143.228)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(5.122.641.294)	(5.001.954.744)
Chi phí lãi vay	6		1.569.097.103	1.373.627.618
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>19.628.582.347</b>	<b>6.799.182.350</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		22.333.633.135	14.995.485.006
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(6.735.310.104)	5.388.828.684
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		9.250.097.145	3.647.669.881
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		392.836.888	(751.488.429)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.569.097.103)	(1.373.627.618)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.722.876.320)	(1.365.249.707)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.097.420.639	19.653.541.805
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.212.296.058)	(21.654.782.292)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35.462.990.569</b>	<b>25.339.559.680</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(13.369.768.393)	(14.412.598.943)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	9.987.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.145.637.500)	(827.608.870)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.000.000.000	18.711.315.208
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.946.611.486	4.795.046.882
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.568.794.407)</b>	<b>8.276.141.550</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.675.000.000	18.551.599.552
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.434.693.851)	(45.297.610.627)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(10.890.000.000)	(152.062.046)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(15.649.693.851)</b>	<b>(26.898.073.121)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.244.502.311	6.717.628.109
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		45.587.874.528	53.818.501.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.889.709)	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		56.829.487.130	60.536.129.326

Kế toán trưởng



PHẠM HOÀNG NAM



ngày 20 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc



ĐỖ HÙNG KIẾT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

**01. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002274 thay đổi lần thứ 9 ngày 11/02/2009, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Bến Thành là : 88.000.000.000 đồng.

**02. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Dịch vụ**

**03. Ngành nghề kinh doanh Công ty CP TMDV Bến Thành và công ty con:**

**Công ty CP TMDV Bến Thành:**

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh- điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu vũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công nông ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thủ công các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Mua bán, chế biến nông lâm thủy hải sản; sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế phẩm từ sữa các loại.

Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, Dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thác hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án, dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

**Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny (công ty con)**

Mua bán: Hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát; rượu (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống), thực phẩm tươi sống, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, phương tiện đi lại và phụ tùng, hàng điện lạnh - điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu vũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công-nông-ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng hàng gia dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng, đạn thể thao, vũ khí thô sơ), đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự xã hội), tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ, mắt kính, vàng bạc, nữ trang, đá quý, thiết bị sản xuất vàng, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Kinh doanh nhà. Mua bán vật tư phục vụ sản xuất. Mua bán, chế biến nông-lâm-thủy hải sản (trừ chế biến tại trụ sở). Cho thuê xe. Cho thuê nhà, văn phòng, căn hộ. Kinh doanh lưu trú du lịch, khách sạn; kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ viễn thông. Dịch vụ nhà đất.

**04. Công ty con**

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ "Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Bến Thành" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con : một (01)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : một (01)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (0)

**Danh sách công ty con được hợp nhất :****1. Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny**

- Trụ sở : 208-210 Lê Thánh Tôn, Q1, Tp HCM.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 90%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 90%

**05. Công ty liên kết****Danh sách công ty liên kết****1. Công ty CP đầu tư & kỹ thuật XD Bến Thành**

- Trụ sở : 25 Trương Định, Q1, Tp HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 30%

Tính đến thời điểm 30/06/2010, Công ty CPĐT & KT XD Bến Thành chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

**2. Công ty TNHH TM DV tổng hợp Bến Thành Savico**

- Trụ sở: 17 -19 Trần Hưng Đạo, Q1, Tp.HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 23,33%



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

### 3. Công ty CP đầu tư & dịch vụ Dân Sinh

- Trụ sở: 104 Yersin, Q1, Tp.HCM

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 25%

Tính đến thời điểm 30/06/2010, Công ty CP đầu tư & dịch vụ Dân Sinh chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 4. Trường Trung học Phổ thông Tư thục Phan Bội Châu - Cơ sở 3

- Trụ sở: 289 Đinh Bộ Lĩnh, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 30%

Tính đến thời điểm 30/06/2010, Trường Trung học Phổ thông Tư thục Phan Bội Châu - Cơ sở 3 chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

06. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 01. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

### 03. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

### 01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.  
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần TM DV Bến Thành và Báo cáo tài chính của một (01) công ty con nêu trên.

### 02. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: dựa theo đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

### 04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước - xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/IT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25-30 năm
Máy móc, thiết bị	6-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

**5.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính đã được khấu hao xong.

**06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng các cao ốc văn phòng được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và sẽ được kết chuyển thành tài sản cố định hữu hình khi công trình hoàn thành.

**07. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:****7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010**Đơn vị tính: VND*

Dầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác sẽ được trích lập khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch.

**08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, máy móc được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo điều lệ và nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

**Doanh thu bán hàng**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh bao gồm các khoản trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ những giao dịch. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận lợi nhuận hay được quyền nhận cổ tức.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

**15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:**

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ và nợ ngắn hạn được treo lại trên Bảng Cân đối kế toán và đầu năm sau sẽ hoàn đảo lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2010: 18.544 VND/USD

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

<b>01. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
- Tiền mặt	697.812.305	1.716.492.618
- Tiền gửi ngân hàng	7.867.254.436	3.875.194.425
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	48.264.420.389	39.996.187.485
<b>Cộng</b>	<b>56.829.487.130</b>	<b>45.587.874.528</b>
<b>02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	838.570.000	838.570.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(494.386.000)	(451.363.000)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>344.184.000</b>	<b>387.207.000</b>
(*) : Là khoản đầu tư mua 28.682 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Phương Nam.		
<b>03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
- Phải thu Tổng công ty Bến Thành	17.300.000.000	35.300.000.000
- Phải thu Công ty Văn Hóa Tổng Hợp Bến Thành	-	2.000.000.000
- Phải thu Công ty TNHH TM DV Tổng hợp Bến Thành Savico	-	280.000.000
- Phải thu khác	828.849.058	466.849.058
<b>Cộng</b>	<b>18.128.849.058</b>	<b>38.046.849.058</b>
<b>04. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	7.664.456	10.945.186
- Hàng hóa	37.567.571.969	30.828.981.135
- Hàng hóa bất động sản	13.315.798.433	13.315.798.433
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>50.891.034.858</b>	<b>44.155.724.754</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu kỳ	53.658.513.784	17.123.696.771	2.975.151.448	950.743.169	74.708.105.172
- Mua trong kỳ	-	-	998.071.818	27.636.364	1.025.708.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.811.803.128	1.710.577.278	-	-	14.522.380.406
Số dư cuối kỳ	66.470.316.912	18.834.274.049	3.973.223.266	978.379.533	90.256.193.760
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.455.538.250	5.065.573.068	1.640.204.262	799.180.007	14.960.495.587
- Khấu hao trong kỳ	1.173.182.709	1.744.764.798	195.316.005	40.162.362	3.153.425.874
Số dư cuối kỳ	8.628.720.959	6.810.337.866	1.835.520.267	839.342.369	18.113.921.461
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu kỳ	46.202.975.534	12.058.123.703	1.334.947.186	151.563.162	59.747.609.585
- Tại ngày cuối kỳ	57.841.595.953	12.023.936.183	2.137.702.999	139.037.164	72.142.272.299

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 48.172.818.410 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.328.618.960 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: không có.
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ VH					-
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>	
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	<b>84.938.027.840</b>	<b>87.116.348.035</b>	
- CT cao ốc văn phòng 2-4 Lưu Văn Lang	2.370.911.453	1.445.316.648	
- CT cao ốc văn phòng 90-92 Đinh Tiên Hoàng	-	6.615.856.714	
- CT cao ốc văn phòng 289 Đinh Bộ Lĩnh	33.752.288.091	33.752.288.091	
- CT cao ốc văn phòng 120 Bến Chương Dương	32.320.135.591	32.312.306.500	
- CT cao ốc văn phòng 129-131 Tôn Thất Dạm	9.532.564.159	9.045.633.900	
- CT căn hộ Splendor	6.753.474.000	3.859.128.000	
- CT Khác	208.654.546	85.818.182	
<b>13. Đầu tư tài chính dài hạn khác:</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>	
<b>b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:</b>	<b>4.906.028.491</b>	<b>2.839.998.683</b>	
- Công ty CP Đầu tư & KT XD Bến Thành	1.200.000.000	1.200.000.000	
- Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành Savico	1.316.028.491	1.139.998.683	
- Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh	500.000.000	500.000.000	
- Trường THPT Tư thục Phan Bội Châu - Cơ sở 3	1.890.000.000	-	
<b>c. Đầu tư dài hạn khác:</b>	<b>52.002.195.890</b>	<b>53.746.558.390</b>	
- Đầu tư cổ phiếu	<b>50.902.195.890</b>	<b>52.646.558.390</b>	
Trong đó:	% vốn góp tại thời điểm 30/06/2010		
+ Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	2,5	6.000.000.000	9.000.000.000
- Số lượng cổ phiếu (DVT : cổ phiếu)		600.000	900.000
+ Công ty CP Đầu tư & xây dựng Cotecin	7,12	6.000.000.000	5.000.000.000
- Số lượng cổ phiếu (DVT : cổ phiếu)		300.000	200.000
+ Công ty CP bảo hiểm Viễn Đông	0,33	2.800.000.000	2.800.000.000
- Số lượng cổ phiếu (DVT : cổ phiếu)		100.000	100.000
+ Công ty CP Bến Thành Long Hải	8	3.440.000.000	3.440.000.000
- Số lượng cổ phiếu (DVT : cổ phiếu)		344.000	344.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	1,28	29.037.972.453	29.037.972.453
- Số lượng cổ phiếu (DVT : cổ phiếu)		2.567.478	2.567.478
+ Ngân hàng TMCP Eximbank	0,01	3.624.223.437	3.368.585.937
- Số lượng cổ phiếu (DVT : cổ phiếu)		128.599	118.599

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

*Lý do thay đổi đối với các loại cổ phiếu:*

- + Cổ phiếu Công ty CK Phương Đông : bán bớt 300.000 CP, tương ứng 3 tỷ đồng.
- + Cổ phiếu Công ty CP ĐT & XD Cotecin : mua thêm quyền (2:1), mua 100.000 CP, tương ứng 1 tỷ đồng.
- + Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Eximbank : mua thêm 10.000 CP, tương ứng 255.637.500 đồng.

<b>- Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>
------------------------------	----------------------	----------------------

*Trong đó:*

- |   |       |                       |                       |
|---|-------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Đầu tư vào Công ty TNHH Chợ Cửa khẩu</i> |       |                       |                       |
| + <i>Mộc Bài (*)</i>                        | 9,26  | 1.000.000.000         | 1.000.000.000         |
| + <i>Đầu tư vào Cty TNHH Phở 2000</i>       | 16,67 | 100.000.000           | 100.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                 |       | <b>52.002.195.890</b> | <b>53.746.558.390</b> |

(\*) : Đến thời điểm 30/06/2010, Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc Bài chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

<b>d. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(7.170.390.390)</b>	<b>(7.742.209.937)</b>
--	------------------------	------------------------

*Trong đó:*

- |   |                 |                 |
|---|-----------------|-----------------|
| + <i>Công ty CP Chứng khoán Phương Đông</i>       | -               | (3.600.000.000) |
| + <i>Công ty CP Đầu tư &amp; xây dựng Cotecin</i> | -               | (1.420.000.000) |
| + <i>Công ty CP bảo hiểm Viễn Đông</i>            | (2.100.000.000) | (2.200.000.000) |
| + <i>Công ty CP Bến Thành Long Hải (**)</i>       | -               | -               |
| + <i>Ngân hàng TMCP Phương Đông</i>               | (3.876.688.053) | -               |
| + <i>Ngân hàng TMCP Eximbank</i>                  | (1.193.702.337) | (522.209.937)   |

(\*\*) : Đến thời điểm 30/06/2010, Công ty CP Bến Thành Long Hải vẫn bị lỗ theo kế hoạch được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư nên công ty chưa tiến hành lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

<b>Cộng</b>	<b>49.737.833.991</b>	<b>48.844.347.136</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

<b>14. Chi phí trả trước dài hạn:</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
---------------------------------------	-------------------	-------------------

- |                               |                      |                      |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 523.949.853          | 402.599.852          |
| - Chi phí sửa chữa TSCĐ       | 2.407.431.147        | 2.897.299.092        |
| <b>Cộng</b>                   | <b>2.931.381.000</b> | <b>3.299.898.944</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

<i>15. Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Vay ngắn hạn ngân hàng Xuất Nhập Khẩu	273.433.320	2.028.298.841
- Vay ngắn hạn cá nhân	265.700.000	374.319.078
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.950.209.252	5.846.418.504
<b>Cộng</b>	<b>3.489.342.572</b>	<b>8.249.036.423</b>
<i>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Thuế GTGT đầu ra	1.068.606.315	135.743.242
- Thuế xuất, nhập khẩu	35.300.247	1.439.149.629
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.235.492.303	2.912.234.951
- Thuế Thu nhập cá nhân	14.307.666	17.030.519
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	1.553.892.615	-
<b>Cộng</b>	<b>5.907.599.146</b>	<b>4.504.158.341</b>
<i>17. Chi phí phải trả</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Phí kiểm toán	60.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
<i>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
- Kinh phí công đoàn	77.309.905	111.890.051
- Bảo hiểm y tế	20.895.892	21.706.771
- Cổ tức chưa trả	238.963.000	236.452.664
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	165.949.968	628.563.094
<b>Cộng</b>	<b>503.118.765</b>	<b>998.612.580</b>
<i>20. Vay và nợ dài hạn</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
Vay ngân hàng Vietcombank	4.271.464.758	4.271.464.758
Vay ngân hàng Liên Việt	11.354.019.628	11.354.019.628
Vay ngân hàng Seabank	320.324.020	320.324.020
<b>Cộng</b>	<b>15.945.808.406</b>	<b>15.945.808.406</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

## 22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm (ngày 01/01/2009)	88.000.000.000	127.419.120.000	6.537.891.037	-	7.107.911.458	2.436.106.423	231.501.028.918
- Lãi trong năm 2009	-	-	27.820.584.557	-	-	-	27.820.584.557
- Táng khác năm 2009	-	-	313.110.699	1.453.607	-	-	314.564.306
- Trích các quỹ năm 2009	-	-	(3.513.296.137)	-	2.049.014.653	732.140.742	(732.140.742)
- Chia cổ tức năm 2009	-	-	(7.040.000.000)	-	-	-	(7.040.000.000)
- Giảm khác năm 2009	-	-	(154.039.722)	-	-	-	(154.039.722)
Số dư cuối năm trước (ngày 31/12/2009)	88.000.000.000	127.419.120.000	23.964.250.434	1.453.607	9.156.926.111	3.168.247.165	251.709.997.317



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu kỳ này (ngày 01/01/2010)	88.000.000.000	127.419.120.000	23.964.250.434	1.453.607	9.156.926.111	3.168.247.165	251.709.997.317
- Lãi trong kỳ này (6 tháng đầu năm 2010)	-	-	15.268.115.246	-	-	-	15.268.115.246
- Táng khác (6 tháng đầu năm 2010)	-	-	-	42.896.286	-	-	42.896.286
- Trích các quỹ (6 tháng đầu năm 2010)	-	-	(5.313.371.805)	-	-	1.308.400.153	(4.004.971.652)
- Chia cổ tức (6 tháng đầu năm 2010)	-	-	(10.560.000.000)	-	-	-	(10.560.000.000)
- Giảm khác (6 tháng đầu năm 2010)	-	-	(183.000.000)	(45.785.995)	-	-	(228.785.995)
Số dư cuối kỳ này (ngày 30/06/2010)	88.000.000.000	127.419.120.000	23.175.993.875	(1.436.102)	9.156.926.111	4.476.647.318	252.227.251.202

% tại thời điểm

30/06/2010	30/06/2010	01/01/2010
35%	30.800.030.000	33.722.730.000
65%	57.199.970.000	54.277.270.000
100%	88.000.000.000	88.000.000.000

- Vốn góp của nhà nước
- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

(\*) : Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ số 23/BC-TCT ngày 16/06/2010 của Tổng Công ty Bến Thành - cổ đông đại diện phần vốn góp của nhà nước trong vốn đầu tư của Công ty CP TM DV Bến Thành thì Tổng Công ty Bến Thành đã thực hiện việc bán 292.270 cổ phiếu, tương ứng với 2.922.700.000 đồng. Vì vậy, tính đến thời điểm 30/06/2010, phần vốn góp của nhà nước chiếm tỷ lệ là 35% trong tổng vốn đầu tư của Công ty CP TM DV Bến Thành, tương ứng với 30.800.030.000 đồng.

	6 tháng đầu năm		6 tháng đầu năm	
	2010		2009	
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-	-	-
+ Vốn góp đầu năm	88.000.000.000		88.000.000.000	
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-	-	-
+ Vốn góp cuối năm	88.000.000.000		88.000.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.560.000.000		-	
d. Cổ tức	30/06/2010		01/01/2010	
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-		2.000	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-		2.000	

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính	30/06/2010	01/01/2010
d. Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	8.800.000	8.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
c. Các quỹ của doanh nghiệp:	31/12/2008	01/01/2008
- Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	9.156.926.111
- Quỹ dự phòng tài chính	4.476.647.318	3.168.247.165
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Quỹ khen thưởng - phúc lợi: chi khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)</b>	<b>128.591.132.175</b>	<b>103.582.353.925</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	105.272.466.650	85.266.535.009
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.318.665.525	18.315.818.916
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)</b>	<b>128.591.132.175</b>	<b>103.582.353.925</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	105.272.466.650	85.266.535.009
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	23.318.665.525	18.315.818.916
	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	81.309.390.882	67.706.791.580
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.017.518.976	5.942.637.662
<b>Cộng</b>	<b>89.326.909.858</b>	<b>73.649.429.242</b>
	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.943.188.831	2.588.545.510
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	360.422.655	367.154.008
- Lãi kinh doanh chứng khoán	643.000.000	2.800.572.782
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.407	40
<b>Cộng</b>	<b>4.946.612.893</b>	<b>5.756.272.340</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>30. Chi phí tài chính (Mã số 22)</b>		
- Lãi tiền vay	1.569.097.103	1.373.627.618
- Lỗ do bán chứng khoán	-	961.225.418
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(528.796.547)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	22.936.001
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.989.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.078.289.556</b>	<b>2.357.789.037</b>
	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.046.133.672	3.208.368.005
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>5.046.133.672</b>	<b>3.208.368.005</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ: Không có****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****3- Thông tin về các bên liên quan:****a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:**

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành Savico - C.ty liên kết - DT cho thuê MB	532.046.000	367.241.500
Tổng Công ty Bến Thành - cổ đông - khoản phải thu khác phát sinh tăng	-	20.000.000.000
Tổng Công ty Bến Thành - cổ đông - khoản phải thu khác phát sinh giảm	18.000.000.000	4.000.000.000

**b. Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan như sau :**

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	30/06/2010	01/01/2010
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành Savico - C.ty liên kết - DT nhận trước	94.950.000	92.405.000
Công ty TNHH TMDVTH Bến Thành Savico - C.ty liên kết - nhận tiền cọc thuê MB	104.892.000	104.892.000
Tổng Công ty Bến Thành - cổ đông - khoản phải thu khác	17.300.000.000	35.300.000.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp thì một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ được thay đổi vị trí so với hướng dẫn của Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Do đó số dư đầu kỳ ngày 01/01/2010 so với số dư cuối kỳ ngày 31/12/2009 của một số tài khoản có sự thay đổi như sau :

		Theo Quyết định 15 (SDCK ngày 31/12/2009)	Theo Thông tư 244 (SDDK ngày 01/01/2010)
	Mã số		
- Người mua trả tiền trước	313	2.714.940.759	2.425.772.650
- Doanh thu chưa thực hiện	338	-	289.168.109
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	792.750.419
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	792.750.419	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



PHẠM HOÀNG NAM

Tổng Giám đốc



ĐỖ HÙNG KIẾT